UBND TỈNH ĐỒNG NAI **BAN CHỈ ĐẠO NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01 /HD-BCĐ-VPĐP	*Đồng Nai, ngày 07 tháng 01 năm 2020*

HƯỚNG DẪN
Thực hiện, đánh giá Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời tỉnh Đồng Nai và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.

Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh ban hành hướng dẫn thực hiện và phương pháp đánh giá Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời tỉnh Đồng Nai như sau:

PHẦN I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh

- Hướng dẫn này quy định đánh giá, xét công nhận khu dân cư đạt chuẩn "Khu dân cư kiểu mẫu" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo các tiêu chí quy định tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 26/6/2019.

- Hướng dẫn áp dụng đối với các khu dân cư thuộc xã nông thôn mới nâng cao trong phạm vi toàn tỉnh, thực hiện Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời của tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp các sở, ban, ngành liên quan thẩm định, thống nhất. UBND cấp huyện ra quyết định công nhận khu dân cư đạt chuẩn khu dân cư kiểu mẫu.

b. Đối tượng áp dụng

- Các khu dân cư ở các ấp thuộc xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong quá trình đánh giá, xét công nhận khu dân cư đạt chuẩn khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Căn cứ để đánh giá

Hướng dẫn này là căn cứ để đánh giá mức độ đạt tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu của từng khu. Ngoài ra, việc đánh giá mức độ đạt tùy theo tình hình cụ thể, căn cứ vào các quy định của các cơ quan chuyên môn và các quy định khác có liên quan của tỉnh.

3. Nguyên tắc thực hiện

- Công tác đánh giá, xét công nhận đạt chuẩn khu dân cư kiểu mẫu phải bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch, đúng tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục quy định; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình đánh giá, xét công nhận đạt chuẩn khu dân cư kiểu mẫu.

- Các tiêu chí được công nhận đạt chuẩn khu dân cư kiểu mẫu phải bảo đảm đủ các chỉ tiêu, yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình thực hiện, đánh giá xét, công nhận khu dân cư NTM kiểu mẫu phải vận dụng các tiêu chí đúng quy định theo hướng dẫn này.

- Việc đánh giá, xét công nhận đạt chuẩn khu dân cư kiểu mẫu được tổ chức hằng năm, trên cơ sở kết quả thực hiện đến thời điểm đánh giá.

PHẦN II. THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ ĐẠT CHUẨN KHU DÂN CƯ KIỂU MẪU

1. Tiêu chí số 1 về Môi trường

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 1.1. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải: đạt 100%.

- Chỉ tiêu 1.2. Tỷ lệ tuyến đường ngõ, xóm đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp: ≥ 90%.

- Chỉ tiêu 1.3. Tỷ lệ tuyến đường trong khu dân cư có hệ thống thoát nước đạt theo quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải: ≥ 80% và các tuyến còn lại đảm bảo việc tiêu thoát nước không gây ngập úng.

- Chỉ tiêu 1.4. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch:

+ Đạt 100% (Có hệ thống cung cấp nước tập trung).

+ Đạt 90% (Sử dụng nước sạch theo quy định).

b. Căn cứ đánh giá:

- Tiêu chuẩn Việt Nam 4054:2005 về "Thiết kế đường ô tô", Tiêu chuẩn Quốc gia 10380:2014 về "Thiết kế đường giao thông nông thôn".

- Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam 259:2001 về "Tiêu chuẩn Thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị" , Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam 333:2005 "Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị - tiêu chuẩn thiết kế", Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia 07-7:2016/BXD "Các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình chiếu sáng".

- Nghị định 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về "Quản lý cây xanh đô thị", Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9257:2012 về "Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị".

- Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành "Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020".

- Quyết định số 284/QĐ-TCTL-NN ngày 25/12/2017 của Tổng cục Thủy lợi- Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện tiêu chí nước sạch trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về "Ban hành thiết kế mẫu mặt đường bê tông xi măng GTNT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai".

- Văn bản số 4979/SGTVT-KHTC ngày 31/7/2019 của Sở Giao thông Vận tải về việc Hướng dẫn thực hiện và thẩm định các chỉ tiêu về giao thông nông thôn trong Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời tỉnh Đồng Nai.

c. Phương pháp đánh giá:

- Chỉ tiêu 1.1:

Kiểm tra thực tế, thống kê các tuyến đường ngõ, xóm trên địa bàn xã đã thực hiện hoàn thành và đưa vào sử dụng so với quy định; trên cơ sở đó, đánh giá, xác định rõ đạt hay chưa đạt đối với từng tuyến.

- Chỉ tiêu 1.2:

+ Đối với đảm bảo "sáng": Căn cứ phương án thiết kế đã được thống nhất và thực tế thực hiện hệ thống chiếu sáng trên các tuyến đường giao thông nông thôn so với quy định để đánh giá, xác định rõ đạt hay chưa đạt đối với từng tuyến.

+ Đối với đảm bảo "xanh": Kiểm tra việc trồng các loại cây xanh (hoa, thảm cỏ, cây bóng mát,...) đảm bảo phù hợp với quy định và an toàn giao thông.

+ Đối với "sạch, đẹp": Căn cứ kế hoạch hàng năm, các phong trào phát động và thực tế thực hiện công tác duy tu, vệ sinh đường giao thông để đánh giá kết quả thực hiện.

- Chỉ tiêu 1.3:

Kiểm tra thực tế và đánh giá mức độ đạt được các tuyến đường có hệ thống thoát nước trong khu dân cư được thực hiện đầu tư hoàn thành theo thiết kế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định (đạt ≥ 80%) và các tuyến còn lại đảm bảo việc tiêu thoát nước không gây ngập úng.

- Chỉ tiêu 1.4:

Tổ chức điều tra, đánh giá tình hình thực tế sử dụng nước hợp vệ sinh đến từng hộ gia đình, xác định rõ đạt hay chưa đạt so với quy định, cụ thể:

+ 100% hộ gia đình sử dụng nước sạch đối với khu dân cư có hệ thống cấp nước tập trung.

+ 90% hộ gia đình sử dụng nước sạch đối với khu dân cư sử dụng thiết bị lọc nước nhỏ lẻ của các hộ gia đình.

d. Hồ sơ chứng minh:

**** Chỉ tiêu 1.1:***

- Báo cáo tình hình thực hiện chỉ tiêu.

- Thống kê các công trình đường ngõ, xóm đã hoàn thành và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

- Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và biên bản nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng.

**** Chỉ tiêu 1.2:***

- Về chỉ tiêu "sáng":

+ Báo cáo kết quả thực hiện các công trình chiếu sáng trên các tuyến đường giao thông nông thôn.

+ Các Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và biên bản nghiệm thu đưa công trình chiếu sáng vào khai thác sử dụng đối với các công trình chiếu sáng sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

+ Danh mục cụ thể các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng đối với các công trình chiếu sáng thực hiện theo hình thức xã hội hóa (người dân tự thực hiện) có xác nhận của UBND xã.

- Về chỉ tiêu "xanh, sạch, đẹp":

+ Quyết định bố trí vốn cho công tác: duy tu, sửa chữa, vệ sinh và trồng cây xanh (hoa, thảm cỏ, cây bóng mát,...) trên các tuyến đường giao thông nông thôn.

+ Kế hoạch phát động các phong trào đảm bảo "xanh, sạch, đẹp" của xã.

**** Chỉ tiêu 1.3:***

Biên bản nghiệm thu công trình đường giao thông trước khi đưa vào khai thác sử dụng và bảng thống kê các tuyến đảm bảo việc tiêu thoát nước không gây ngập úng, có xác nhận của đơn vị cấp huyện.

**** Chỉ tiêu 1.4:***

- Báo cáo tình hình thực hiện chỉ tiêu.

- Kế hoạch điều tra, đánh giá và biểu mẫu đánh giá (*Kèm theo Văn bản số 223/TTDVNN ngày 16/10/2019 của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh).*

- Thống kê danh sách hộ sử dụng nước máy, nước từ các công trình cấp nước tập trung, đấu nối đô thị; kèm phiếu xét nghiệm chất lượng do cơ sở cung cấp nước cung cấp.

- Thống kê danh sách các hộ sử dụng thiết bị lọc nước nhỏ lẻ, có xác nhận của xã, kèm theo hình ảnh minh họa thiết bị.

2. Tiêu chí số 2 về Cảnh quan

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 2.1. Tỷ lệ hộ gia đình có hàng rào xanh, cổng, ngõ được xây dựng, cải tạo sạch đẹp, hài hòa với cảnh quan đặc trưng của địa phương: đạt 100%.

- Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ hộ gia đình: bố trí công trình phụ hợp lý; thực hiện 03 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ): đạt 100%.

- Chỉ tiêu 2.3. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện, có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện: đạt 100%.

- Chỉ tiêu 2.4. Không có tụ điểm kinh doanh tự phát hoạt động trong khu dân cư: đạt.

b. Căn cứ đánh giá:

- Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg ngày 09/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện.

- Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28/12/2016 của Bộ Công Thương về quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

- Hướng dẫn số 01/HD-ĐCT ngày 15/3/2017 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch".

- Văn bản số 4750/STNMT-CCBVMT ngày 17/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Hướng dẫn thực hiện các tiểu tiêu chí về môi trường trong Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời tỉnh Đồng Nai.

- Văn bản số 2455/SCT-TM ngày 10/7/2019 của Sở Công Thương về việc Hướng dẫn hồ sơ đánh giá tiêu chí về cảnh quan trong Bô tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời.

- Văn bản số 1272/PT ngày 22/7/2019 của Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh về việc xây dựng nội dung hướng dẫn thực hiện tiêu chí trong Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời.

c. Phương pháp đánh giá:

**** Chỉ tiêu 2.1:***

- Kiểm tra số liệu thu thập, tổng hợp:

+ Tổng số hộ gia đình của khu dân cư;

+ Tổng diện tích đường chính, ngõ đã bê tông/gạch hóa, chưa được bê tông/gạch hóa;

+ Các tuyến đường đã có rãnh thoát nước thải sinh hoạt trong khu dân cư và ngoài khu dân cư của xã;

+ Hoạt động bảo vệ môi trường của xã, các mô hình bảo vệ môi trường đã triển khai thực hiện trong 02 năm gần nhất;

+ Số hộ đã/chưa cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào;

+ Các tuyến đường và chiều dài các tuyến đường trên địa bàn; trong đó có các tuyến đường xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp;

+ Các hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đúng theo hướng dẫn về phân loại chất thải rắn;

+ Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn trước khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển;

+ Các mô hình phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

+ Phương tiện vận chuyển, trọng tải của phương tiện, số lượng đơn vị thu gom, số lượng lao động tham gia hoạt động thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

- Kiểm tra đánh giá:

+ Thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

+ Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào, đường làng, ngõ xóm.

+ Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo đúng hướng dẫn về phân loại chất thải rắn.

+ Tỷ lệ các tuyến đường đã xây dựng rãnh thoát nước thải sinh hoạt.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn.

**** Chỉ tiêu 2.2:***

- Kiểm tra các công trình phụ trong hộ gia đình, đảm bảo đầy đủ các công trình: bể chứa nước sinh hoạt, chuồng trại chăn nuôi, nhà tiêu, nhà tắm.

- Kiểm tra xác định tỷ lệ hộ gia đình bố trí công trình phụ hợp lý; thực hiện 03 sạch *(được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa số hộ gia đình bố trí công trình phụ hợp lý trên tổng số hộ gia đình có mặt tại khu dân cư).* Thực hiện 03 sạch, gồm có:

+ ***Sạch nhà:*** Nhà cửa sạch sẽ, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp; có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh; có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường và có thùng chứa rác thải, thực hiện phân loại rác thải tại nguồn theo nguyên tắc tiết giảm, tái sử dụng và tái chế.

+ ***Sạch bếp:***

Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm: Có chạn, tủ bếp để cất giữ thức ăn. Sử dụng thực phẩm bảo đảm dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Rửa tay bằng xà phòng trước và sau khi chế biến, sử dụng thức ăn.

Đảm bảo sản xuất - chế biến - kinh doanh thực phẩm an toàn: Sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu trong trồng trọt theo đúng quy chuẩn. Không sử dụng chất cấm, hóa chất kích thích tăng trưởng trong trồng trọt và chăn nuôi. Thu dọn chai, lọ, vỏ bao đựng phân bón và thuốc trừ sâu sau khi sử dụng, đem tiêu hủy tại nơi quy định. Sản xuất, chế biến, sử dụng và kinh doanh thực phẩm an toàn.

+ ***Sạch ngõ:***

Giữ sân, ngõ của gia đình và khu vực đường ngõ, xóm xung quanh nơi ở của gia đình sạch sẽ, không để nước đọng, rác thải bừa bãi làm ảnh hưởng đến mỹ quan và sức khỏe của con người.

Tham gia xây dựng cảnh quan, môi trường chung của cộng đồng sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn.

**** Chỉ tiêu 2.3:***

Thống kê các hộ gia đình sử dụng: điện kế chính; sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện; số lượng thiết bị và nhãn hiệu các thiết bị tiết kiệm điện. Trên cơ sở đó, xác định rõ tỷ lệ hộ gia đình đạt hay chưa đạt theo quy định.

**** Chỉ tiêu 2.4:***

Kiểm tra thực tế, xác định có hay không có tụ điểm kinh doanh tự phát hoạt

động trong khu dân cư.

d. Hồ sơ chứng minh:

**** Chỉ tiêu 2.1:***

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu.
- Bảng thống kê các số liệu có xác nhận của đơn vị cấp huyện:

+ Tổng số hộ gia đình của khu dân cư.

+ Các hộ tham gia thực hiện xây dựng cảnh quan nơi ở xanh - sạch - đẹp.

+ Các tuyến đường (cụ thể về chiều dài) thực hiện xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

+ Tổng số hộ gia đình thực hiện phân loại tại nguồn.

+ Tổng số hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đúng theo hướng dẫn về phân loại chất thải rắn.

+ Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn.

**** Chỉ tiêu 2.2:***

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu.
- Danh sách hộ gia đình hiện có mặt tại khu dân cư (có xác nhận của UBND xã)
- Danh sách hộ gia đình đạt chỉ tiêu (có xác nhận của UBND xã).

**** Chỉ tiêu 2.3:***

- Báo cáo tình hình thực hiện chỉ tiêu.
- Văn bản xác nhận của Điện lực cấp huyện về tỷ lệ hộ gia đình cố định sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện.
- Danh sách các hộ lắp đặt điện kế chính có xác nhận của Điện lực cấp huyện.
- Danh sách các hộ gia đình và bản kê khai của các hộ gia đình về số lượng thiết bị và nhãn hiệu các thiết bị tiết kiệm điện hộ gia đình đang sử dụng, có xác nhận của UBND xã.

**** Chỉ tiêu 2.4:***

- Báo cáo tình hình thực hiện chỉ tiêu.
- Văn bản xác nhận của UBND xã về việc không có tụ điểm kinh doanh tự phát hoạt động trong khu dân cư.

3. Tiêu chí số 3 về Văn hóa

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ hộ gia đình được phổ biến và chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng; pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương: đạt 100%.

- Chỉ tiêu 3.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện tốt quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội: đạt ≥ 95%.

- Chỉ tiêu 3.3. Tỷ lệ các công trình văn hóa chung có trên địa bàn được quản lý, sử dụng có hiệu quả: đạt 100%.

b. Căn cứ xác định:

- Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg ngày 25/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

- Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2118 của Chính phủ ban hành quy định về xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa "; "Thôn văn hóa", "Làng văn hóa", "Ấp văn hóa", "Bản văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa".

- Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

- Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Văn bản Hướng dẫn số 3169/MTTQ-PT ngày 19/7/2019 của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai về việc hướng dẫn việc triển khai thực hiện và phương pháp đánh giá, báo cáo kết quả các tiêu chí trong Bộ tiêu chí Khu dân cư kiểu mẫu tạm thời tỉnh Đồng Nai do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phụ trách.

- Văn bản số 1714/SVHTTDL-GĐ ngày 12/7/2019 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời tỉnh Đồng Nai.

c. Phương pháp đánh giá:

- ***Chỉ tiêu 3.1:*** Việc xây dựng kế hoạch hàng năm thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước. Báo cáo đánh giá, xác định rõ mức độ đạt hay chưa đạt so với quy định.

- ***Chỉ tiêu 3.2:*** Đánh giá việc tổ chức thực hiện tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định về xây dựng gia đình văn hóa, về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; kết quả đánh giá xác định mức độ đạt so với quy định.

- ***Chỉ tiêu 3.3:***Đánh giá thực trạng các công trình văn hóa chung trên địa bàn: cơ sở vật chất, nội dung hoạt động và mức độ thu hút người dân đến tham gia. Trên cơ sở kết quả đánh giá, xác định rõ tỷ lệ các công trình văn hóa chung có trên địa bàn được quản lý, sử dụng có hiệu quả đạt hay chưa đạt.

d. Hồ sơ chứng minh:

- ***Chỉ tiêu 3.1:***

+ Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện chỉ tiêu.

+ Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước.

- ***Chỉ tiêu 3.2:***

+ Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện chỉ tiêu.

+ Quyết định công nhận "Gia đình đạt chuẩn văn hóa" hàng năm của UBND cấp xã *(kèm theo danh sách).*

+ Quyết định của UBND cấp huyện công nhận "Xã có tỷ lệ ấp xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước của cộng đồng".

+ Biên bản họp khu dân cư triển khai việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

+ Văn bản, kế hoạch, báo cáo và hồ sơ có liên quan.

+ Các hình ảnh chứng minh (nếu có).

- Chỉ tiêu 3.3:

+ Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện chỉ tiêu.

+ Quyết định công nhận hoặc Văn bản chấp thuận của UBND xã đối với đội, nhóm, câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của khu dân cư đó.

+ Quy chế hoạt động của các đội, nhóm, câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao (hoạt động phải được diễn ra thường xuyên, quy định rõ thời gian, địa điểm hoạt động cụ thể và thông báo đến người dân biết, tham gia).

+ Phiếu lấy ý kiến người dân đối với hoạt động của các đội, nhóm, câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao… ở khu dân cư.

+ Văn bản, kế hoạch, báo cáo và hồ sơ có liên quan.

+ Hình ảnh chứng minh các hoạt động.

4. Tiêu chí số 4 về Y tế:

a. Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế và được quản lý, theo dõi sức khỏe: đạt ≥ 98%.

b. Căn cứ xác định:

Văn bản số 3186/SYT-NV ngày 12/7/2019 của Sở Y tế về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí y tế trong Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời.

c. Phương pháp đánh giá:

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số người dân có hộ khẩu thường trú trong khu dân cư có thẻ bảo hiểm y tế còn hiệu lực tại thời điểm điều tra, đánh giá trên tổng dân số của khu dân cư trong cùng thời điểm.

- Đánh giá tỷ lệ người dân trong khu dân cư được quản lý, theo dõi sức khỏe là số người khu dân cư được quản lý, theo dõi sức khỏe bằng phần mềm quản lý sức khỏe y tế.

d. Hồ sơ chứng minh:

- Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện tiêu chí.

- Danh sách người tham gia bảo hiểm và mã số thẻ bảo hiểm còn hiệu lực, số liệu được cung cấp và xác nhận từ cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện/xã *(Số liệu 6 tháng tính đến ngày 30/6, số liệu cả năm tính đến ngày 31/12).*

- Danh sách người dân trong khu dân cư được quản lý, theo dõi sức khỏe, được cơ quan y tế và có xác nhận UBND xã.

5. Tiêu chí số 5 về Giáo dục:

a. Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ hộ gia đình không có học sinh bỏ học, học sinh vi phạm kỷ luật tại nơi học tập: đạt 100%.

b. Căn cứ xác định:

- Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa"; "Thôn văn hóa", "Làng văn hóa", "Ấp văn hóa", "Bản văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa".

- Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời tỉnh Đồng Nai.

- Văn bản số 2129/SGDĐT-KHTC ngày 04/7/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

c. Phương pháp đánh giá:

Tỷ lệ hộ gia đình không có học sinh bỏ học, học sinh vi phạm kỷ luật tại nơi học tập được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số hộ gia đình không có học sinh bỏ học, học sinh vi phạm kỷ luật tại nơi học tập trên tổng số hộ gia đình hiện hữu trong khu dân cư.

d. Hồ sơ chứng minh:

- Báo cáo đánh giá tình hình, kết quả thực hiện tiêu chí.

- Danh sách hộ gia đình hiện có mặt tại khu dân cư.

- Bảng thang điểm áp dụng bình xét Gia đình văn hóa *(Mẫu số 4 theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ)* của từng hộ gia đình *(hiện có mặt)* có 2 tiêu chí đều đạt điểm tối đa là:

+ Các thành viên trong gia đình chấp hành các quy định của pháp luật; không bị xử lý kỷ luật tại nơi làm việc và học tập.

+ Trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường.

- Hồ sơ có xác nhận của UBND xã, được đóng tập theo thứ tự để tiện tra cứu.

6. Tiêu chí về Trật tự an toàn xã hội

a. Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ hộ gia đình tham gia mô hình tự quản về an ninh trật tự: đạt ≥50%.

b. Căn cứ xác định:

Văn bản số 308/HD-CAT-PV05 ngày 09/7/2019 của Công an tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời tỉnh Đồng Nai.

c. Phương pháp đánh giá:

- Tại thời điểm xét, Công an xã tổ chức đánh giá về tổ chức và hoạt động của các mô hình tự quản về an ninh trật tự trên địa bàn.

- Công an cấp huyện tiến hành thẩm định, đánh giá kết quả.

d. Hồ sơ chứng minh:

- Báo cáo đánh giá của Công an xã.

- Danh sách của ít nhất 50% hộ gia đình (hoặc đại diện thành viên trong hộ gia đình) tham gia mô hình tự quản về an ninh trật tự.

- Quyết định thành lập các mô hình tự quản về an ninh trật tự của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

7. Tiêu chí về Ý thức công dân

a. Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ hộ gia đình đóng góp đầy đủ các khoản theo quy định của pháp luật và các khoản khác đã thống nhất trong khu dân cư: đạt 100%.

b. Căn cứ xác định:

Văn bản Hướng dẫn số 3169/MTTQ-PT ngày 19/7/2019 của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai về việc hướng dẫn việc triển khai thực hiện và phương pháp đánh giá, báo cáo kết quả các tiêu chí trong Bộ tiêu chí Khu dân cư kiểu mẫu tạm thời tỉnh Đồng Nai do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phụ trách.

c. Phương pháp đánh giá: Căn cứ các nội dung đã được xây dựng: tuyên truyền, vận động đóng góp, quy ước, hương ước,...; tổ chức đánh giá, xác định rõ kết quả đạt được tỷ lệ hộ gia đình đóng góp đầy đủ các khoản theo quy định của pháp luật và các khoản khác đã thống nhất trong khu dân cư.

d. Hồ sơ chứng minh:

- Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện tiêu chí.
- Các văn bản ban hành thực hiện tiêu chí.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện, đánh giá Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời của tỉnh. Đề nghị các địa phương căn cứ nội dung hướng dẫn để triển khai thực hiện./.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Huỳnh Thành Vinh

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Trưởng ban và các Phó trưởng ban – Ban Chỉ đạo NN, ND, NT và XD NTM tỉnh;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (phòng CNN);
- Văn phòng Điều phối CTXD nông thôn mới tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Điều phối CTXD NTM các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, VPĐP.